

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

(Áp dụng từ ngày 01 /07 /2025)

Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest (AAS) ban hành Biểu phí dịch vụ như sau:

STT	Loại giao dịch	Mức phí (Đã bao gồm VAT)
1	TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
1.1	Phí mở tài khoản GDCK	Miễn phí
1.2	Phí đóng tài khoản GDCK	99.000 đồng/hồ sơ
1.3	Phí mở tài khoản TPRL	Miễn phí
1.4	Phí đóng tài khoản TPRL	Miễn phí
2	PHÍ GIAO DỊCH CP/CCQ NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GD	
2.1	Phí giao dịch cổ phiếu/CCQ niêm yết, đăng ký giao dịch	0,15%/giá trị giao dịch
2.2	Phí giao dịch trái phiếu	0,1%/giá trị giao dịch
3	LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN	
3.1	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm	0,297 đồng/CP, CCQ/tháng
3.2	Trái phiếu doanh nghiệp (Niêm yết/riêng lẻ)	0,198 đồng/TP/tháng
3.3	Công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công	0,154 đồng/công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công/tháng
4	CHUYỂN KHOẢN CHỨNG KHOÁN	
4.1	Phí chuyển khoản chứng khoán giữa các tài khoản của nhà đầu tư tại các thành viên lưu ký khác nhau	0,55 đồng/1 chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán (tối thiểu 55.000 đồng và tối đa 1.100.000 đồng)
4.2	Giá dịch vụ chuyển khoản chứng khoán để thực hiện thanh toán	0,33 đồng/1 chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán (tối đa không quá 330.000 đồng/1 lần chuyển/1 mã)
4.3	Rút chứng khoán	110.000 đồng/hồ sơ
5	CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN NGOÀI HỆ THỐNG GIAO DỊCH CỦA SỞ GDCK	
5.1	Chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	0,165% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch)
5.2	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán đã niêm yết/đăng ký giao dịch do UBCKNN chấp thuận	- 0,165% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch) đối với cổ phiếu, CCQ, CQ - 0,011% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch) đối với trái phiếu
5.3	Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã đăng ký chứng khoán tại VSDC nhưng chưa giao dịch trên SGDCK	0,011% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch)
5.4	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán do xử lý tài sản bảo đảm là chứng khoán đã đăng ký và thực hiện phong tỏa tại VSDC	- 0,11% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch) đối với cổ phiếu, CCQ, CQ - 0,011% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch) đối với trái phiếu

5.5	Chuyển nhượng chứng khoán của công ty đại chúng đã đăng ký chứng khoán tại VSDC nhưng chưa, không niêm yết/ đăng ký giao dịch trên SGDCK	- 0,165% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch) đối với cổ phiếu, CCQ - 0,011% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch) đối với trái phiếu
5.6	Chuyển quyền sở hữu do thực hiện chào mua công khai	0,11% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch)
5.7	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong giao dịch hoán đổi CCQ ETF, thực hiện chứng quyền có bảo đảm	0,11% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch)
5.8	Biểu, tặng, cho, thừa kế chứng khoán	- 0,165% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch) đối với cổ phiếu, CCQ, CQ - 0,011% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch) đối với trái phiếu
5.9	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, góp vốn bằng cổ phiếu thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán	0,11% giá trị giao dịch (tối thiểu 110.000 đồng/ giao dịch)
6	PHONG TỎA, GIẢI TỎA VÀ THEO DÕI TÀI SẢN CẦM CỐ	
6.1	Phong tỏa, giải tỏa ck theo yêu cầu của NĐT, chỉ thực hiện tại AAS	110.000 đồng/hồ sơ
6.2	Xác nhận tình trạng phong tỏa/giải tỏa tài khoản/tài sản cầm cố	Miễn phí
6.3	Phong tỏa ck và theo dõi tài sản cầm cố của NĐT có thực hiện tại VSDC	- Cổ phiếu/ CCQ: 0,165% giá trị CK phong tỏa tính theo mệnh giá (tối thiểu 220.000 đồng/ mã ck, tối đa 3.300.000 đồng/mã ck) - Trái phiếu: 0,022% giá trị CK phong tỏa tính theo mệnh giá (tối thiểu 220.000 đồng/ mã ck, tối đa 3.300.000 đồng/mã ck)
6.4	Giải tỏa ck cầm cố của NĐT có thực hiện tại VSDC	550.000 đồng/hồ sơ
7	CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CHỨNG KHOÁN	- Cùng công ty: 55.000 đồng/hồ sơ - Khác công ty: 110.000 đồng/hồ sơ
8	THUẾ VÀ CÁC LOẠI PHÍ DỊCH VỤ KHÁC	
8.1	Thuế bán chứng khoán	0,1%/giá trị giao dịch
8.2	Thuế cổ tức tiền	5%/tổng tiền cổ tức nhận được
8.3	Thuế cổ tức cổ phiếu, cổ phiếu thưởng	5%/giá trị giao dịch (GTGD): - Nếu giá bán $\geq$ mệnh giá: GTGD = mệnh giá*SLCP; - Nếu giá bán $<$ mệnh giá: GTGD = giá bán*SLCP
8.4	In sao kê giao dịch tiền, chứng khoán	Miễn phí
8.5	Phí xin cấp mã số giao dịch cho khách hàng nước ngoài	110.000 đồng/hồ sơ
8.6	Dịch vụ SMS	11.000 đồng/tháng

9	PHÍ XÁC NHẬN TƯ CÁCH NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP	
9.1	Xác nhận NĐTCN để thực hiện giao dịch tại AAS và tài liệu chứng minh do Khách hàng hoặc AAS cung cấp	Miễn phí
9.2	Xác nhận NĐTCN để thực hiện giao dịch tại AAS và tài liệu chứng minh do bên thứ ba cung cấp	550.000 đồng/tài khoản/lần xác nhận
9.3	Xác nhận NĐTCN không thực hiện giao dịch tại AAS và tài liệu chứng minh do Khách hàng hoặc AAS cung cấp:	
9.3.1	Xác nhận NĐTCN theo tiêu chí “Giá trị thị trường bình quân theo ngày của danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, không bao gồm giá trị vay ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại trong thời gian tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định ≥ 2 tỷ đồng”	550.000 đồng/tài khoản/lần xác nhận
9.3.2	Xác nhận NĐTCN theo các tiêu chí còn lại của khoản 1 điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14	330.000 đồng/tài khoản/lần xác nhận
10	ÚNG TRƯỚC TIỀN BÁN	12,5%/năm
11	GIAO DỊCH KÝ QUỸ	
11.1	Cho vay giao dịch ký quỹ	12,5%/năm <i>Lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất trong hạn</i>
11.2	Gia hạn món vay ký quỹ	0,165% giá trị món vay (tối thiểu 110,000 VNĐ/món vay)
12	GIAO DỊCH TIỀN	
12.1	Nộp tiền vào tài khoản giao dịch chứng khoán	Miễn phí
12.2	Chuyển khoản tiền nội bộ giữa các tiểu khoản chứng khoán của Khách hàng	Miễn phí
12.3	Chuyển khoản tiền sang tài khoản ngân hàng thụ hưởng	Theo biểu phí của ngân hàng thanh toán, AAS không thu phí trung gian

Ghi chú: Ngoài biểu phí dịch vụ trên, Công ty áp dụng Chính sách khác trong từng trường hợp theo sản phẩm và phân hạng của Khách hàng.